

CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4
Số: 347/2023-DT4

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TỔNG HỢP NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN NHẬN CỔ TỨC BẰNG TIỀN

Tên Chứng khoán:	Cổ phiếu Công ty cổ phần QLĐS số 4	Ngày đăng ký cuối cùng:	08/03/2023
Mệnh giá:	10.000 đồng	Tỷ lệ thanh toán:	10%
		Ngày thanh toán:	30/06/2023

MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	CMND/ CCCD	ĐỊA CHỈ	SLCP năm giữ	Số tiền cổ tức trước thuế	Thuế thu nhập cá nhân 5%	Số tiền cổ tức sau thuế	Tỷ lệ%
1	Dương Hải Thanh	6068004544	Liễu Giai, Phường Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	232.747	232.747.000	11.637.350	221.109.650	20,06%
2	Phạm Hồng Minh	7082006159	Xã Lai Hạ, Huyện Lương Tài, Bắc Ninh	215.347	215.347.000	10.767.350	204.579.650	18,56%
3	Trịnh Đình Kiêm	7069002650	Khu 5, Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	81.889	81.889.000	4.094.450	77.794.550	7,06%
4	Trần Văn Ôn	6070008592	Số 30 Nguyễn Văn Siêu, Khu 2, Phường Đại Phúc, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	78.710	78.710.000	3.935.500	74.774.500	6,79%
5	Nguyễn Phi Trường	7066002734	Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	68.278	68.278.000	3.413.900	64.864.100	5,89%
6	Vũ Xuân Trường	7078010337	Số 29 Phố Đào Tấn - Khu Bồ Sơn - Phường Võ Cường - TP Bắc Ninh	66.874	66.874.000	3.343.700	63.530.300	5,77%
7	Nguyễn Văn Tạng	7070008682	Khu Phúc Sơn, Phường Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	62.556	62.556.000	3.127.800	59.428.200	5,39%
8	Phạm Văn Hanh	4071002963	Đường 85, phường Kinh Bắc, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	48.712	48.712.000	2.435.600	46.276.400	4,20%
9	Hà Quang Hùng	7087010801	42 Nguyễn Trãi, Phường Ninh Xá, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	25.460	25.460.000	1.273.000	24.187.000	2,19%
10	Vũ Đức Độ	7083018934	Khu 2, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	25.260	25.260.000	1.263.000	23.997.000	2,18%



MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	CMND/ CCCD	ĐỊA CHỈ	SLCP năm giữ	Số tiền cổ tức trước thuế	Thuế thu nhập cá nhân 5%	Số tiền cổ tức sau thuế	Tỷ lệ%
11	Nguyễn Tiến Huy	7083012672	Thiểm Xuyên, Xã Thụy Hoà, Huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	20.208	20.208.000	1.010.400	19.197.600	1,74%
12	Vũ Như Lập	7065006502	Số 10, ngõ 2 Phố Vũ, Đại Phúc, TP bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	14.504	14.504.000	725.200	13.778.800	1,25%
13	Trần Quốc Tuấn	4084005844	Thị trấn Phồn Xương, Yên Thế, Bắc Giang	13.741	13.741.000	687.050	13.053.950	1,18%
14	Nguyễn Văn Thông	7075000858	138 Khu 1 Thị trấn Phố Mới, Quế Võ, Bắc Ninh	11.374	11.374.000	568.700	10.805.300	0,98%
15	Lê Văn Nam	4076002875	Số nhà 10 ngõ 509 Đường Lê Lợi, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	11.178	11.178.000	558.900	10.619.100	0,96%
16	Nguyễn Văn Hải	7075001135	Nghiêm thôn, Thị Trấn Phố Mới - Huyện Quế Võ - Bắc Ninh	8.852	8.852.000	442.600	8.409.400	0,76%
17	Trần Danh Hùng	7080002357	Số nhà 16 Phố Vũ, Phường Đại Phúc, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	8.200	8.200.000	410.000	7.790.000	0,71%
18	Nguyễn Công Doanh	0068008287	Khu tập thể đường sông, Phúc Sơn, phường Vũ Ninh, TP Bắc Ninh	8.026	8.026.000	401.300	7.624.700	0,69%
19	Trần Đức Thụy	7069011288	Số 29 Ngõ 4, Phố Hoàng Quốc Việt, Phường Đông Ngàn, TP Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	7.300	7.300.000	365.000	6.935.000	0,63%
20	Nguyễn Xuân Trường	4075001958	Số nhà 4, Ngõ 60, Đường Tiền Giang, Phường Lê Lợi, Thành phố Bắc Giang, Bắc Giang	7.226	7.226.000	361.300	6.864.700	0,62%
21	Vũ Thế Thường	7067001947	Mai Cương, Cách Bi, Quế Võ, Bắc Ninh	6.200	6.200.000	310.000	5.890.000	0,53%
22	Nguyễn Văn Thiệp	7091015505	Thôn Đại Lâm, Xã Tam Đa, Huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	6.062	6.062.000	303.100	5.758.900	0,52%
23	Nguyễn Đình Cường	7079011336	Thôn Đông, Xã Đào Viên, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	5.726	5.726.000	286.300	5.439.700	0,49%
24	Trần Đức Nghĩa	7083001950	Trúc ỏ, Xã Mộ Đạo, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	5.526	5.526.000	276.300	5.249.700	0,48%
25	Thân Văn Côn	4073015009	Xã Tăng Tiến, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang	4.963	4.963.000	248.150	4.714.850	0,43%
26	Trương Quốc Dũng	6079021397	Trạm QLĐT NĐ Đa Phúc, Xã Thuận Thành, Huyện Phố Yên, Thái Nguyên	4.763	4.763.000	238.150	4.524.850	0,41%
27	Nguyễn Xuân Nam	7067002964	Thôn Phùng Dị, Xã Ngọc Xã, Quế Võ, Bắc Ninh	4.100	4.100.000	205.000	3.895.000	0,35%

MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	CMND/CCCD	ĐỊA CHỈ	SLCP năm giữ	Số tiền cổ tức trước thuế	Thuế thu nhập cá nhân 5%	Số tiền cổ tức sau thuế	Tỷ lệ%
28	Nguyễn Thị Phẩm	7170001899	Phố Hồ, Thị trấn Hồ, Thuận Thành, Bắc Ninh	4.000	4.000.000	200.000	3.800.000	0,34%
29	Trần Mạnh Hiếu	7091008960	Thôn Xuân Bình, xã Đại Xuân, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	3.789	3.789.000	189.450	3.599.550	0,33%
30	Nguyễn Thị Hằng	7181001300	Khu 2, Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	3.626	3.626.000	181.300	3.444.700	0,31%
31	Mai Quý Dương	7071012537	Tập thể đoạn quản lý đường sông - Phúc Sơn - Vũ Ninh - Bắc Ninh	3.363	3.363.000	168.150	3.194.850	0,29%
32	Trần Thị Thoan	6179022653	Số 3 Đường Võ Cường 21, Khu Hoà Đình, Phường Võ Cường, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	3.253	3.253.000	162.650	3.090.350	0,28%
33	Phan Văn Hiếu	7083012593	Thôn Vũ Dương, Xã Bồng Lai, Huyện Quế Võ, Bắc Ninh	3.000	3.000.000	150.000	2.850.000	0,26%
34	Nguyễn Mạnh Cường	5077014789	Trạm QLĐT nội địa Đa Phúc, Thuận Thành, Phố Yên, Thái Nguyên	2.963	2.963.000	148.150	2.814.850	0,26%
35	Trịnh Đình Sớm	7083002193	Thôn Lập Ái, Xã Song Giang, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh	2.926	2.926.000	146.300	2.779.700	0,25%
36	Hà Văn Tiến	5070000320	Sông Công, Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	2.900	2.900.000	145.000	2.755.000	0,25%
37	Trần Văn Trường	6080021432	Xóm 23, Nghĩa An, Nam Trực, Nam Định	2.863	2.863.000	143.150	2.719.850	0,25%
38	Nguyễn Văn Công	7062010050	Khu I Thị Trấn Phố Mới, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	2.800	2.800.000	140.000	2.660.000	0,24%
39	Nguyễn Xuân Bình	5073012281	Khu 9 Xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	2.663	2.663.000	133.150	2.529.850	0,23%
40	Nguyễn Văn Đa	7065001525	TT Đường sông - TP Vũ Ninh - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh	2.600	2.600.000	130.000	2.470.000	0,22%
41	Nguyễn Đức Thanh	7081004780	Thôn Quế Ổ, xã Chi Lăng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	2.363	2.363.000	118.150	2.244.850	0,20%
42	Trương Văn Trường	7078009729	Thôn Đông, Xã Đào Viên, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	2.363	2.363.000	118.150	2.244.850	0,20%
43	Ngô Minh Sơn	7075001241	Chi Đồng, Tân Chi, Tiên Du, Bắc Ninh	2.305	2.305.000	115.250	2.189.750	0,20%
44	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	7176012162	Phường Đình Bảng, Thị Xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	2.253	2.253.000	112.650	2.140.350	0,19%

MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	CMND/ CCCD	ĐỊA CHỈ	SLCP năm giữ	Số tiền cổ tức trước thuế	Thuế thu nhập cá nhân 5%	Số tiền cổ tức sau thuế	Tỷ lệ%
45	Ngô Xuân Quang	7069010090	Thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	2.100	2.100.000	105.000	1.995.000	0,18%
46	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	7194011884	Thôn Bùi Bến, xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	1.858	1.858.000	92.900	1.765.100	0,16%
47	Nguyễn Ngọc Thê	4077008169	Số 88 Tổ 2 Phô Tiền Môn, Phường Lê Lợi, TP Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang	1.800	1.800.000	90.000	1.710.000	0,16%
48	Vũ Viết Hùng	7068001616	Thôn Ngọc Nội, Xã Trạm Lộ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh	1.700	1.700.000	85.000	1.615.000	0,15%
49	Phan Hoàng Hậu	0774000795	Xóm 4, Vĩnh Quang, TP Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng	1.700	1.700.000	85.000	1.615.000	0,15%
50	Hoàng Mạnh Thắng	4083013794	Xã Cương Sơn, Huyện Lục Nam, Tỉnh Bắc Giang	1.663	1.663.000	83.150	1.579.850	0,14%
51	Phạm Trung Thành	4079007356	Xã Mỹ Hà, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang	1.653	1.653.000	82.650	1.570.350	0,14%
52	Nguyễn Văn Hiên	6072009608	Thôn Tử Phong, Xã Cách Bi, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	1.600	1.600.000	80.000	1.520.000	0,14%
53	Nguyễn Văn Sơn	7075012782	Phú Xuân, Xã Kim Chân, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh	1.500	1.500.000	75.000	1.425.000	0,13%
54	Nguyễn Văn Thuận	4076000707	Số 3, Á Lữ, Trần Phú, Bắc Giang	1.500	1.500.000	75.000	1.425.000	0,13%
55	Phan Xuân Hùng	7077003774	Thôn Mai Cương, Xã Cách Bi, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	1.500	1.500.000	75.000	1.425.000	0,13%
56	Nguyễn Tuấn Khải	4185012401	Số 111 - Phố Cả Trống - TT Cầu Gò - Yên Thế - Bắc Giang	1.463	1.463.000	73.150	1.389.850	0,13%
57	Nguyễn Thị Thúy	7185006825	Khu Tập thể Đường Sông, Khu Phúc Sơn, Phường Vũ Ninh, TP Bắc Ninh	1.431	1.431.000	71.550	1.359.450	0,12%
58	Tô Vũ Tuấn	4072003398	Tổ 13, Phường Tân Giang, TP Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng	1.400	1.400.000	70.000	1.330.000	0,12%
59	Nguyễn Hữu Dương	111342429	Trạm QLĐT nội địa Đa Phúc, Thuận Thành, Phố Yên, Thái Nguyên	1.400	1.400.000	70.000	1.330.000	0,12%
60	Đỗ Hữu Hiên	7078000829	Khu Vạn Phúc, Phường Vạn An, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	1.353	1.353.000	67.650	1.285.350	0,12%
61	Nguyễn Văn Vịnh	7079001096	Thôn Tiêu Xá, Xã Giang Sơn, Huyện Gia Bình, Tỉnh Bắc Ninh	1.263	1.263.000	63.150	1.199.850	0,11%

MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	CMND/CCCD	ĐỊA CHỈ	SLCP năm giữ	Số tiền cổ tức trước thuế	Thuế thu nhập cá nhân 5%	Số tiền cổ tức sau thuế	Tỷ lệ%
62	Phạm Hữu Nguyên	7095001647	Khu 1, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	1.263	1.263.000	63.150	1.199.850	0,11%
63	Nguyễn Tuấn Vũ	7087005263	Việt Tâm, xã Việt Thống, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	1.263	1.263.000	63.150	1.199.850	0,11%
64	Nguyễn Hữu Phước	7086011378	Son Nam, xã Nam Sơn, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	1.263	1.263.000	63.150	1.199.850	0,11%
65	Đỗ Thị Lan Hương	6193009123	Nam Tân Tiến, xã Nghĩa Thịnh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	1.263	1.263.000	63.150	1.199.850	0,11%
66	Nguyễn Mạnh Hùng	7086008567	Nhân Hữu, xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh	1.263	1.263.000	63.150	1.199.850	0,11%
67	Nguyễn Thị Thanh Huyền	7188009752	Khu Hồ Ngọc Lân, phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	1.263	1.263.000	63.150	1.199.850	0,11%
68	Trần Hữu Nhất	7075001384	Xã Mộ Đạo, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	1.253	1.253.000	62.650	1.190.350	0,11%
69	Trần Anh Đức	4089015978	Thôn Hồi, Xã Phồn Xương, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang	1.158	1.158.000	57.900	1.100.100	0,10%
70	Nguyễn Đức Tuấn	7084011369	Thôn Vân Xá, Xã Cách Bi huyện Quế Võ tỉnh Bắc Ninh	1.105	1.105.000	55.250	1.049.750	0,10%
71	Trần Như Nam	7081002523	Thôn Vũ Dương, Xã Bồng Lai, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	1.100	1.100.000	55.000	1.045.000	0,09%
72	Nguyễn Văn Đoàn	7084005154	Số 168 Đường Thiên Đức, phường Vệ An, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	1.058	1.058.000	52.900	1.005.100	0,09%
73	Lương Thị Quỳnh Vân	4185007684	Phố Gia Lâm, Thị trấn Bồ Hạ, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang	1.058	1.058.000	52.900	1.005.100	0,09%
74	Hoàng Văn Diên	091044299	Thôn Phụng Hoàng, Xã Cẩm Hoàng, Huyện Cẩm Giàng, Thái Nguyên	1.000	1.000.000	50.000	950.000	0,09%
75	Nguyễn Công Đồng	7084007391	Xã Nam Sơn, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	953	953.000	47.650	905.350	0,08%
76	Mai Xuân Trường	7072008440	Xã Đào Viên, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	853	853.000	42.650	810.350	0,07%
77	Phạm Xuân Dũng	7082011310	Khu 2, Thị trấn Phố Mới, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	853	853.000	42.650	810.350	0,07%
78	Nguyễn Ngọc Trung	7085003947	Số 610 đường Thiên Đức, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, BN	805	805.000	40.250	764.750	0,07%

MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	CMND/ CCCD	ĐỊA CHỈ	SLCP năm giữ	Số tiền cổ tức trước thuế	Thuế thu nhập cá nhân 5%	Số tiền cổ tức sau thuế	Tỷ lệ%
79	Nguyễn Thị Lan Anh	7185012008	Xã Ngọc Nội, Phường Trạm Lộ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh Bắc Giang	800	800.000	40.000	760.000	0,07%
80	Trần Văn Cường	7084014712	Thôn Xuân Bình, Xã Đại Xuân, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	800	800.000	40.000	760.000	0,07%
81	Nguyễn Văn Tài	7072002367	Số nhà 26, Ngõ Lửa Hồng, Phường Tiền An, Thành phố Bắc Ninh	705	705.000	35.250	669.750	0,06%
82	Lê Sỹ Dương	7086010884	Yên Đình, Xã Phù Lương, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	705	705.000	35.250	669.750	0,06%
83	Nguyễn Xuân Công	0800003551	Thôn Cách Bi, xã Cách Bi, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	700	700.000	35.000	665.000	0,06%
84	Hoàng Thành Luân	7085002625	Thôn Vũ Dương, Xã Bồng Lai, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	700	700.000	35.000	665.000	0,06%
85	Nguyễn Thị Huệ	7190002956	Khu Phúc Sơn, Phường Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	631	631.000	31.550	599.450	0,05%
86	Phan Bích Dũng	7083013656	Thôn Vũ Dương, Xã Bồng Lai, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	600	600.000	30.000	570.000	0,05%
87	Nguyễn Thanh Tùng	7086016515	Khu Môn Tự, xã Nam Sơn, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	600	600.000	30.000	570.000	0,05%
88	Hoàng Thành Công	7087002593	Thôn Vũ Dương, xã Bồng lai, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	505	505.000	25.250	479.750	0,04%
89	Thân Văn Nghĩa	7083009918	Thôn Hữu Bằng, xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	505	505.000	25.250	479.750	0,04%
90	Nguyễn Văn Hiên	7089004332	Thôn Tiêu Xá, xã Giang Sơn, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh	505	505.000	25.250	479.750	0,04%
91	Bùi Đình Biện	7081002730	Khu 3, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	505	505.000	25.250	479.750	0,04%
92	Tạ Quang Huy	7091000786	Thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	505	505.000	25.250	479.750	0,04%
93	Nguyễn Đức Chung	7090009151	Khu Bò Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	505	505.000	25.250	479.750	0,04%
94	Phùng Thị Hoan	7183008687	Đào Viên, Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh	353	353.000	17.650	335.350	0,03%
95	Nguyễn Văn Tuyên	4077003162	Xã Song Vân, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	253	253.000	12.650	240.350	0,02%

20882483
CÔNG TY
CỔ PHẦN
QUẢN LÝ
ĐỒNG SÔNG
H. BẮC NINH

MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	CMND/ CCCD	ĐỊA CHỈ	SLCP năm giữ	Số tiền cổ tức trước thuế	Thuế thu nhập cá nhân 5%	Số tiền cổ tức sau thuế	Tỷ lệ%
96	Đỗ Thị Hằng	7192003714	Thôn Hữu Bằng, xã Ngọc Xá, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	253	253.000	12.650	240.350	0,02%
97	Nguyễn Thuỷ Dương	1300002936	Xóm 6, Đồng Quang, Đặng Cương, An Dương, Hải Phòng	200	200.000	10.000	190.000	0,02%
98	Ông Bình Nguyễn	9090004781	253 Lê Quang Sung, Phường 6, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	100	100.000	5.000	95.000	0,01%
99	Nguyễn Sinh Dũng Thắng	1072018688	Phòng 1904 toà nhà Eurowindow 27 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội, Hà Nội	100	100.000	5.000	95.000	0,01%
	Cộng			1.160.000	1.160.000.000	58.000.000	1.102.000.000	100%

Người lập



Đỗ Thị Kim Tuyền

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2023

CHỦ TỊCH HĐQT



Dương Hải Thanh

